

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **4600**/UBND-KTTH

V/v cung cấp số liệu phục vụ biên soạn GRDP sơ bộ quý II, 6 tháng và ước tính quý III, 9 tháng năm 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Quảng Ngãi;
- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh;
- Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.



Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh tại Công văn số 382/CTK-TH ngày 12/9/2022 về việc cung cấp số liệu phục vụ biên soạn GDP, GRDP sơ bộ quý II, 6 tháng và ước tính quý III, 9 tháng năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị nêu trên theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thu thập, cung cấp dữ liệu thông tin đầu vào phục vụ biên soạn số liệu GRDP sơ bộ quý II, 6 tháng và ước tính quý III, 9 tháng năm 2022 (theo biểu mẫu đính kèm Công văn này); đánh giá thuận lợi, khó khăn; phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 9 tháng năm 2022; báo cáo UBND tỉnh (qua Cục Thống kê tỉnh) **trước ngày 17/9/2022**.

2. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, giao Cục Thống kê tỉnh chủ trì tổng hợp, rà soát số liệu đầu vào của ngành, lĩnh vực; báo cáo Tổng cục Thống kê để phục vụ biên soạn số liệu GRDP sơ bộ quý II, 6 tháng và ước tính quý III, 9 tháng năm 2022 và báo cáo UBND tỉnh **chậm nhất ngày 20/9/2022**./.

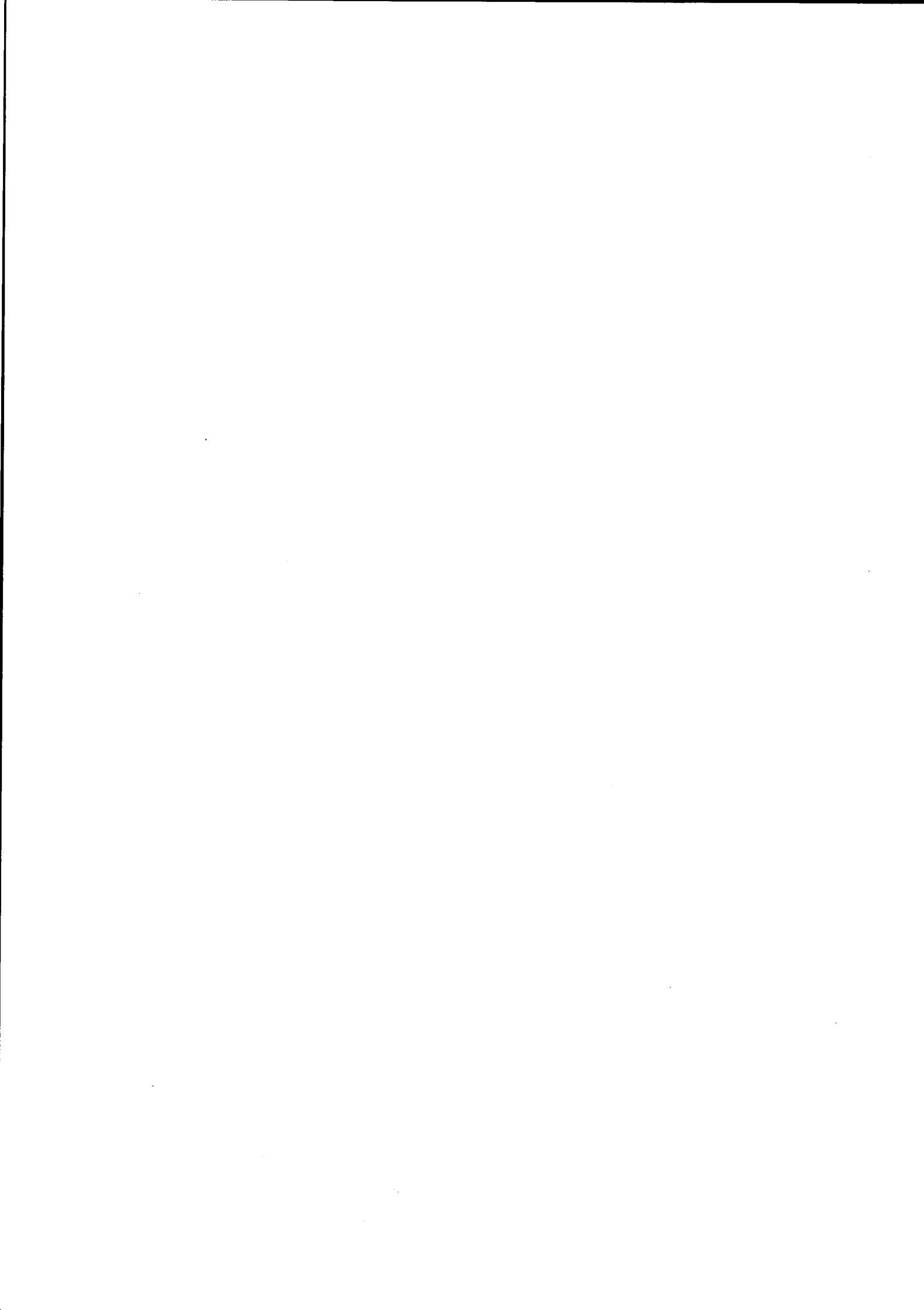
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVCP, CBTH;
- Lưu: VT, KTTH_{hoa271}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên



Biểu số 10: NĂNG LỰC MỚI TĂNG CHỦ YẾU TRONG NĂM 2022

Đơn vị báo cáo:
Số, ngành, Chủ đầu tư/BQL dự án
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê Quảng Ngãi

TT	Tên dự án/công trình	Mã ngành đầu tư (cấp 2)	Chủ đầu tư (1: NN; 2: NVN; 3: FDI)	Thời gian khởi công (tháng/năm)	Thời gian hoàn thành (tháng/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Năng lực mới tăng		Ghi chú
							Năng lực thiết kế	Đơn vị tính	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập biểu

... ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

- Ghi cụ thể từng dự án/công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ đầu năm đến hết tháng 8/2022 và các công trình dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 9-12/2022; các công trình này làm tăng năng lực sản xuất (công trình thủy lợi, nông nghiệp; nhà máy sản xuất, nhà máy chế biến; công trình nhà máy điện, nước...); năng lực phục vụ và cơ sở hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh/TP có tổng mức đầu tư từ 50 tỷ đồng trở lên;
- Các dự án/công trình xây dựng phục vụ nhiều mục tiêu (giao thông, thủy lợi...) nếu có nhiều năng lực mới tăng ghi cụ thể các năng lực mới tăng trong cột ghi chú

Biểu số 13_TKQG: THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Đơn vị báo cáo:
 Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi
 Đơn vị nhận báo cáo:
 Cục Thống kê Quảng Ngãi

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện 2022				
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng
A	B	1	2	3	4	5
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+...+V)	1					
I. Thu nội địa	2					
Thu từ doanh nghiệp nhà nước (TW+DP)	3					
Trong đó: - Thuế giá trị gia tăng hàng hóa và dịch vụ	4					
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa và dịch vụ	5					
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6					
- Thuế tài nguyên	7					
Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	8					
Trong đó: - Thuế giá trị gia tăng hàng hóa và dịch vụ	9					
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa và dịch vụ	10					
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11					
- Thuế tài nguyên	12					

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện 2022				
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng
A	B	1	2	3	4	5
Thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh	13					
Trong đó: - Thuế giá trị gia tăng hàng hóa và dịch vụ	14					
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa và dịch vụ	15					
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	16					
- Thuế tài nguyên	17					
Thuế thu nhập cá nhân	18					
Thuế bảo vệ môi trường	19					
Thu phí, lệ phí	20					
Trong đó: Lệ phí trước bạ	21					
Các khoản thu về nhà, đất	22					
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	23					
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	24					
- Thu tiên cho thuê đất, thuê mặt nước	25					
- Thu tiên sử dụng đất	26					
- Thu tiên cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	27					
Thu xổ số kiến thiết (bao gồm cả xổ số điện toán)	28					
Trong đó: - Thuế giá trị gia tăng	29					

Ước thực hiện 2022

Chi tiêu	Mã số	Ước thực hiện 2022				
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng
A	B	1	2	3	4	5
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	30					
Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	31					
Thu khác ngân sách	32					
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	33					
Thu hồi vốn, thu hồi cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của ngân sách nhà nước	34					
II. Thu về đầu thô	35					
Trong đó: Thuế tài nguyên	36					
III. Thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu	37					
1. Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	38					
- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	39					
- Thuế xuất khẩu	40					
- Thuế nhập khẩu	41					
- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	42					
- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	43					
- Thuế khác	44					

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện 2022			
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III
A	B	1	2	3	4
2. Hoàn thuế GTGT	45				
IV. Thu viện trợ	46				
V. Các khoản huy động đóng góp	47				
					9 tháng
					5

..., ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị

Người lập biểu

Biểu số 14_TKQG: CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Đơn vị báo cáo:
 Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi
 Đơn vị nhân báo cáo:
 Cục Thống kê Quảng Ngãi

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện 2022				
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng
A	B	1	2	3	4	5
TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I. Chi đầu tư phát triển						
Chi đầu tư cho các dự án	3					
Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định	4					
Chi đầu tư phát triển còn lại	5					
II. Chi trả nợ lãi						
6						
III. Chi thường xuyên						
Chi quốc phòng	8					
Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	9					
Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề	10					
Chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình	11					

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện 2022				
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng
A	B	1	2	3	4	5
Chi khoa học, công nghệ	12					
Chi văn hóa, thông tin	13					
Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	14					
Chi thể dục, thể thao	15					
Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	16					
Chi sự nghiệp kinh tế	17					
<i>Trong đó: - Chi sự nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản và thủy lợi</i>	18					
Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	19					
<i>Trong đó: - Chi hoạt động quản lý Ngân hàng Nhà nước</i>	20					
Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	21					
Chi trợ giá mặt hàng chính sách	22					
Chi khác	23					
IV. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	24					
V. Chi dự phòng ngân sách	25					
VI. Chi viện trợ	26					
VII. Các nhiệm vụ chi khác	27					

Người lập biểu

..., ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng đơn vị

Biểu số 15_TKQG: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG

Đơn vị báo cáo:
 Ngân hàng Nhà nước chi
 nhánh Quảng Ngãi
 Đơn vị nhận báo cáo:
 Cục Thống kê Quảng Ngãi

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện 2022				
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng
A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG	A	1	2	3	4	5
I. Dư nợ tín dụng	2			X		X
1. Bảng đồng Việt Nam	3			X		X
+ Ngân hạn	4			X		X
+ Trung và dài hạn	5			X		X
2. Bảng ngoại tệ	6			X		X
+ Ngân hạn	7			X		X
+ Trung và dài hạn	8			X		X
3. Tổng cộng (3=1+2)	9			X		X
+ Ngân hạn	10			X		X
+ Trung và dài hạn	11			X		X
II. Số dư huy động vốn	12			X		X
1. Bảng đồng Việt Nam	13			X		X
+ Ngân hạn	14			X		X
+ Trung và dài hạn	15			X		X
2. Bảng ngoại tệ	16			X		X
+ Ngân hạn	17			X		X

Chỉ tiêu	Mã số	Ước thực hiện 2022				
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng
A	B	1	2	3	4	5
+ Trung và dài hạn	18			x		x
3. Tổng cộng (3=1+2)	19			x		x
+ Ngắn hạn	20			x		x
+ Trung và dài hạn	21			x		x
B. CHI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ						
Chi hoạt động quản lý của Ngân hàng nhà nước	22					

Lưu ý: không ghi số liệu vào các ô "x"

..., ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị